



# ĐIỂM TIN | VFM

THÁNG 5/ 2012

## GIỚI THIỆU VFM

Công ty VietFund Management là công ty quản lý quỹ đầu tiên tại Việt Nam chuyên thực hiện quản lý các quỹ đầu tư cho nhà đầu tư cá nhân pháp nhân trong và ngoài nước.

Trong năm 2008, dịch vụ Quản lý danh mục đầu tư được công ty Viet Fund Management tập trung triển khai cho các nhà đầu tư cá nhân và pháp nhân, các tổ chức tài chính lớn trong và ngoài nước. VFM có đội ngũ quản lý kinh nghiệm lâu năm và khả năng hoạch định các giải pháp đầu tư chuyên nghiệp trong lĩnh vực quản lý tài sản này.

Với kiến thức chuyên sâu và tầm nhìn chiến lược, các chuyên gia tư vấn tài chính của VFM luôn theo dõi sát sao và phân tích những biến động của thị trường, đồng thời tiến hành nghiên cứu tổng thể và nhạy bén điều chỉnh các cơ cấu danh mục. Từ đó nhiều cơ hội đầu tư mới mở ra và mang lại kết quả tối ưu cho nhà đầu tư.

Hãy dành thời gian để tận hưởng cuộc sống của riêng mình – tài sản mà bạn giao phó đã được chúng tôi quản lý một cách chuyên nghiệp nhất và bạn hoàn toàn yên tâm vì điều đó.



### Trụ sở chính

Phòng 1701-04, Lầu 17, Tòa nhà Mê Linh Point  
 Số 2 Ngõ Đức Kế, Quận 1, Tp. HCM, Việt Nam  
 ĐT: (84 8) 3825 1488 Fax: (84 8) 3825 1489

### Chi nhánh tại Hà Nội

Phòng 903, Tầng 9, Tòa nhà HCO  
 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam  
 ĐT: (84 4) 3942 8168 Fax: (84 4) 3942 8169

# QUỸ ĐẦU TƯ

# VF1

Tên Quỹ	Quỹ đầu tư Chứng Khoán Việt Nam (VF1)
Tên tiếng Anh	Vietnam Securities Investment Fund
Mã giao dịch	VFMVF1
Hình thức Quỹ	Quỹ công chúng dạng đóng
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000 VND
Tổng số CCQ lưu hành	100.000.000 đvq
Ngày thành lập	24/05/2004
Ngày niêm yết	8/11/2004
Thời hạn hoạt động	10 năm
Công ty Quản lý quỹ	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
Ngân hàng giám sát	Ngân hàng TMCP Ngoại thương (Vietcombank)
Phí quản lý	2%/NAV/năm
Phí lưu ký	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
Phí giám sát	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
Chính sách cổ tức	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

**Mục tiêu đầu tư** Đầu tư vào các cổ phiếu (niêm yết và chưa niêm yết) có tiềm năng tăng trưởng, chứng khoán nợ và các công cụ tiền tệ khác nhằm xây dựng mục tiêu đầu tư cân bằng.

## Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 05/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam trong tháng 5 năm 2012 chuyển sang trạng thái điều chỉnh sau nhiều tháng tăng trưởng mạnh. Thêm vào áp lực giảm giá là tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng công Châu Âu lên tâm lý của nhà đầu tư trong nước cũng như nước ngoài. Chịu tác động của các nhân tố trên, chỉ số VN-Index và HNX-Index đóng cửa lần lượt ở mức 429,2 và 74,1 điểm, giảm 9,4% và 7,4% so với tháng trước.

Kết thúc tháng 5/2012, NAV của Quỹ đầu tư VF1 đạt 15.664 đồng/chứng chỉ quỹ, giảm 5,2% so với tháng trước. Lũy kế từ đầu năm NAV của Quỹ đầu tư VF1 vẫn tăng 20,6%.

## Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/05/2012			Tăng trưởng (%)					
	NAV	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (24/05/2004)
VF1	1.000	1.566,4	15.664	(5,2)	4,3	16,3	(4,6)	20,6	56,6
VN-Index			429,2	(9,4)	1,3	12,7	1,1	22,1	64,1
HNX-Index			74,1	(7,3)	7,8	22,5	1,2	26,1	(25,9)

(\*): chưa bao gồm các lần trả cổ tức

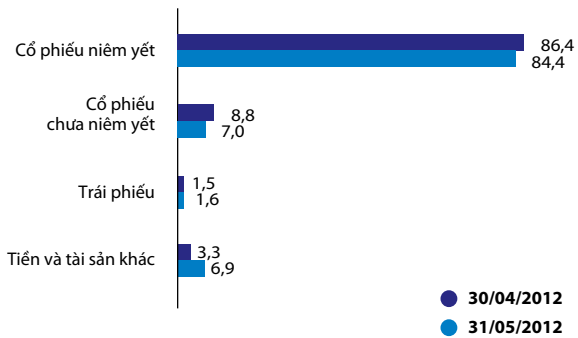
## Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 24/05/2004=100



Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	So với đầu năm	Bình quân năm
2012	4,9	10,2	(0,6)	10,7	(5,2)								20,6	56,9
2011	2,2	(10,7)	(1,8)	(5,2)	(10,2)	1,6	(4,7)	4,5	(3,1)	(3,1)	(12,7)	(3,6)	(38,9)	(38,9)
2010	(0,8)	0,6	2,3	7,0	(4,6)	0,2	1,3	(7,9)	(0,2)	(0,6)	(3,9)	1,4	(8,2)	(8,2)
2009	(1,4)	(7,5)	4,5	8,6	10,7	8,4	7,7	14,3	8,5	(0,6)	(8,6)	1,5	50,9	50,9
2008	(6,0)	(15,0)	(15,7)	(9,0)	(20,0)	(4,2)	6,7	14,2	(9,7)	(14,0)	(1,0)	0,6	(55,8)	(55,8)
2007	25,0	47,6	33,0	19,9	24,9	0,1	(3,5)(*)	(2,1)	5,8	8,8	(4,2)	(2,1)	46,1(*)	46,1(*)
2006	6,0	14,7	10,3	33,5	4,0	3,2	(8,4)	1,3	4,7	(4,4)(*)	15,2	31,0	175,1(*)	175,1(*)
2005	0,04	2,4	1,1	(2,4)	0,2	0,5	0,2	3,5	5,6	5,8	4,7	1,2	25,2	25,2
2004						1,0	(0,6)	(0,2)	0,3	0,6	(0,2)	0,6	1,6	3,2

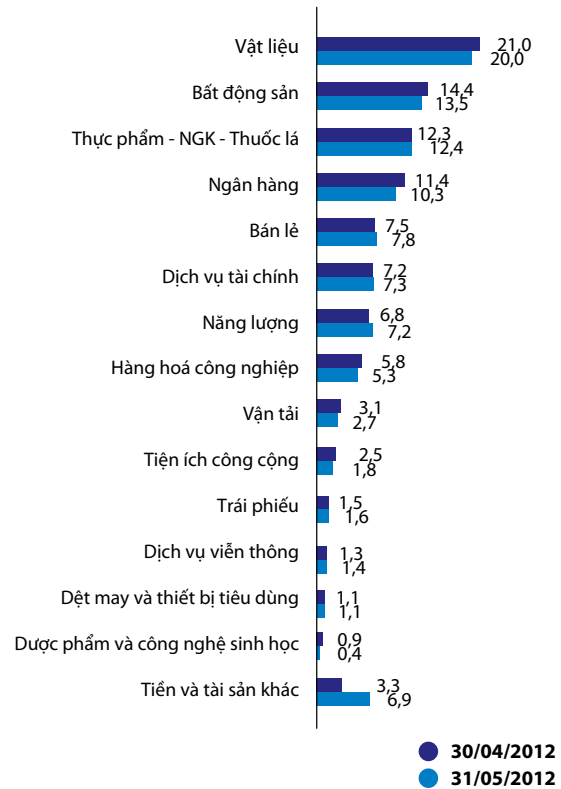
(\*): tính trên vốn bình quân

## Phân bổ tài sản (%)



Tỷ trọng cổ phiếu niêm yết giảm nhẹ từ 86,4% xuống còn 84,4% do hoạt động thanh toán cũng như sự suy giảm nhẹ của giá trị cổ phiếu. Hoạt động thanh toán cũng làm tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết giảm mạnh trong tháng.

## Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong tháng, thứ tự trong tỷ trọng danh mục theo nhóm ngành của Quỹ đầu tư VF1 thay đổi nhỏ. Ngoài ra, tỷ trọng của ngành Ngân hàng, Tiện ích công cộng, và Bất động sản lần lượt giảm xuống 10,3%, 1,8%, và 13,5% do hoạt động thanh toán và sụt giảm thị giá. Tỷ trọng của các ngành khác cũng giảm nhẹ do thị giá cổ phiếu giảm.

Trong tháng 5, tỷ trọng tiền mặt của Quỹ đầu tư VF1 tăng từ 3,3% lên 6,9% theo hoạt động chốt lời ở một số cổ phiếu.

Đến thời điểm 31/05/2012, tỷ trọng 4 ngành chính là: Hạ tầng - Bất động sản, Thực phẩm - NGK, Vật liệu - Khai khoáng và Ngân hàng chiếm 56,2% NAV của danh mục.

# QUỸ ĐẦU TƯ

# VF4

<b>Tên Quỹ</b>	Quỹ đầu tư Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam (VF4)
<b>Tên tiếng Anh</b>	Vietnam Blue-chips Fund
<b>Mã giao dịch</b>	VFMVF4
<b>Hình thức Quỹ</b>	Quỹ công chứng dạng đóng
<b>Vốn điều lệ</b>	806.460.000.000 VND
<b>Tổng số CCQ lưu hành</b>	80.646.000 đvq
<b>Ngày thành lập</b>	28/02/2008
<b>Ngày niêm yết</b>	12/6/2008
<b>Thời hạn hoạt động</b>	10 năm
<b>Công ty Quản lý quỹ</b>	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
<b>Ngân hàng giám sát</b>	Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC – CN. Tp. HCM
<b>Phí quản lý</b>	2%/NAV/năm
<b>Phí lưu ký</b>	0,06%/NAV/năm (không chịu thuế VAT)
<b>Phí giám sát</b>	0,02%/NAV/năm (chưa bao gồm 10% VAT)
<b>Chính sách cổ tức</b>	Hàng năm, theo quyết định của ĐHNĐT

**Mục tiêu đầu tư** Đầu tư vào quá trình cổ phần hóa của các doanh nghiệp lớn của nhà nước; cổ phần của các công ty có giá trị cao, sự tăng trưởng đều qua nhiều năm, và có xu hướng tiếp tục sinh lợi nhuận đều đặn trong tương lai.

## Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 05/2012

Thị trường chứng khoán trong tháng 5 bước vào giai đoạn điều chỉnh sau 04 tháng tăng trưởng gần 40% từ đầu năm 2012. Kết quả là VN-Index và HNX-Index lần lượt giảm 9,4% và 7,3% trong tháng, đóng cửa lần lượt tại 429,2 điểm và 74,07 điểm. Thanh khoản của thị trường cũng giảm dần về cuối tháng trong giai đoạn điều chỉnh.

Chịu tác động của suy giảm chung, NAV của danh mục Quỹ đầu tư VF4 ghi nhận mức 6.701VND/CCQ, giảm 5,3% so với tháng trước, thấp hơn đà sụt giảm của thị trường.

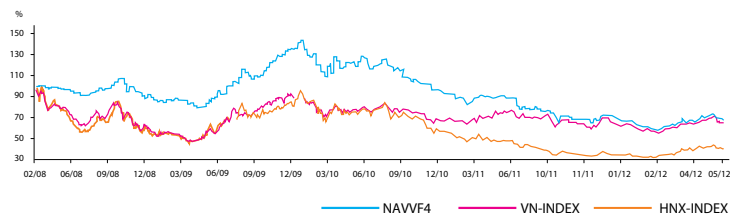
## Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/05/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô (tỷ đồng)	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (28/2/2008)
VF4	806,5	540,4	6.701	(5,3)	5,9	15,4	(2,9)	21,6	(13,0)
VN-Index			429,20	(9,4)	1,3	12,7	1,1	22,1	(37,5)
HNX-Index			74,07	(7,3)	7,8	22,5	1,2	26,1	(68,1)

(\*) sau khi trừ cổ tức 1,000 đồng/cổ phiếu trong tháng 12/2009 và 1,000 đồng/cổ phiếu tạm ứng trong tháng 04/2010

## Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index

28/02/2008=100

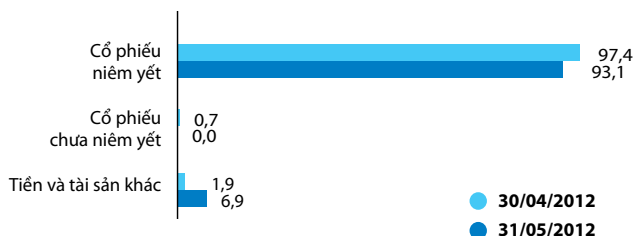


## 5 CP chiếm tỷ trọng lớn nhất

Tên cổ phiếu	Thị trường	Tỷ trọng trong NAV (%)
EIB	HOSE	10,8
FPT	HOSE	10,5
DPM	HOSE	9,9
VNM	HOSE	8,8
VCB	HOSE	6,8

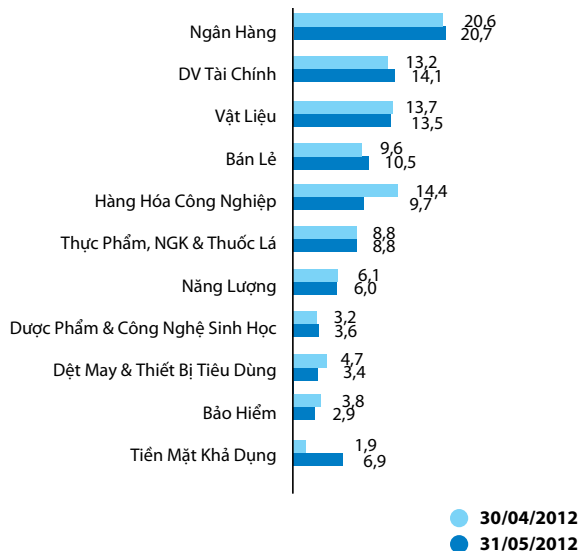
Tăng trưởng NAV	T01	T02	T03	T04	T05	T06	T07	T08	T09	T10	T11	T12	Lũy kế từ đầu năm	Bình quân năm
2012	6,0	8,3	2,1	9,5	(5,3)								21,6	59,9
2011	1,0	(13,0)	(3,1)	(4,3)	(12,0)	2,4	(0,6)	3,2	(1,5)	(3,2)	(11,7)	5,1	(39,9)	(39,9)
2010	(3,4)	1,6	3,3	8,0	1,4	(0,8)	(4,1)	(9,4)	(10,7)	(2,2)	(3,3)	4,9	(13,1)	(13,1)
2009	(1,3)	(9,0)	8,3	11,2	13,0	6,5	7,6	16,6	6,1	(1,4)	(13,2)	0,5	48,9	48,9
2008			(2,0)	(0,9)	(5,7)	0,4	6,3	11,5	(8,5)	(12,7)	(3,7)	1,7	(17,4)	(17,4)

## Phân bổ tài sản (%)



Tại ngày 31 tháng 5 năm 2012, tỷ trọng cổ phiếu niêm yết 93,1% và tỷ trọng tiền mặt tăng từ 1,9% lên 6,9% do thanh toán ròng thực hiện hóa một phần lợi nhuận trong tháng. Tỷ trọng cổ phiếu chưa niêm yết cũng giảm xuống 0% do cổ phiếu được niêm yết trong tháng 5.

## Cơ cấu danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 5, tỷ trọng phân bổ danh mục của ngành có xu hướng giảm nhẹ khi giá thị trường giảm và tỷ lệ tiền khả dụng tăng do hoạt động thanh toán. Ngân hàng vẫn duy trì tỷ trọng lớn nhất trong danh mục, do hoạt động thanh toán trong kỳ. Tỷ trọng ngành Hàng hóa công nghiệp và Dệt may & Tiêu dùng giảm lần lượt 4,7% và 1,3% trong NAV so với tháng trước.

Tính đến thời điểm 31/5/2012 Quỹ đầu tư VF4 đang đầu tư vào danh mục 21 cổ phiếu thuộc 10 nhóm ngành, trong đó 3 nhóm ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ trọng khá tương đương bao gồm:

- + Ngân hàng (20,7%)
- + DV Tài chính (14,1%)
- + Vật liệu & Khai khoáng (13,5%)

# QUỸ ĐẦU TƯ

# VFA

<b>Tên Quỹ</b>	Quỹ đầu tư Năng động Việt Nam (VFA)
<b>Tên tiếng Anh</b>	Vietnam Active Fund
<b>Mã giao dịch</b>	VFMVFA
<b>Hình thức Quỹ</b>	Quỹ công chúng dạng đóng
<b>Vốn điều lệ</b>	240.437.600.000 VND
<b>Tổng số CCQ lưu hành</b>	24.043.760 đvq
<b>Ngày thành lập</b>	02/04/2010
<b>Ngày niêm yết</b>	08/09/2010
<b>Thời hạn hoạt động</b>	5 năm
<b>Công ty Quản lý quỹ</b>	CTCP Quản lý quỹ đầu tư Việt Nam (VFM)
<b>Ngân hàng giám sát</b>	Ngân Hàng Far East National - CN TP. HCM
<b>Phí quản lý</b>	2%/NAV/năm
<b>Phí giám sát &amp; Lưu ký</b>	0,04%/NAV/năm
<b>Chính sách cổ tức</b>	Tối thiểu 50% lợi nhuận thực hiện hàng năm của Quỹ
<b>Mục tiêu đầu tư</b>	Nắm bắt được xu hướng tăng trung hạn và dài hạn của TTCKVN dựa trên mô hình đầu tư theo xu hướng (trend-following).

## Tình hình hoạt động quỹ trong tháng 05/2012

Thị trường chứng khoán Việt Nam có sự điều chỉnh khi cả hai chỉ số VN-Index và HNX-Index lần lượt mất 9,4% và 7,3% trong tháng 5/2012. Trong cùng kỳ, Quỹ đầu tư VFA đạt 7.224,7% và có mức giảm 4,2% trong tháng. Lũy kế từ khi hoạt động, NAV của Quỹ đầu tư VFA giảm 27,8%, cao hơn với mức giảm của VN-Index và tương đương với 50% mức giảm của HNX-Index.

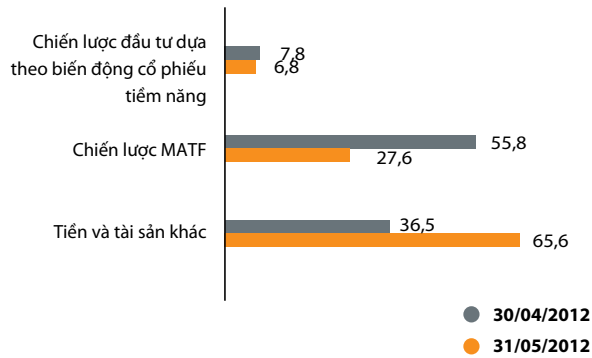
## Thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)

	31/05/2012			Tăng trưởng (%)					
	Quy mô	NAV (tỷ đồng)	NAV/đvq (đồng)	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi hoạt động (02/04/2010)
VFA	240,4	173,7	7.224,7	(4,2)	(4,8)	(0,1)	(10,8)	1,2	(27,8)
VN-Index			429,20	(9,4)	1,3	12,7	1,1	22,1	(15,9)
HNX-Index			74,07	(7,3)	7,8	22,5	1,2	26,1	(54,9)

## Tăng trưởng NAV so với tăng trưởng của Index 02/04/2010=100

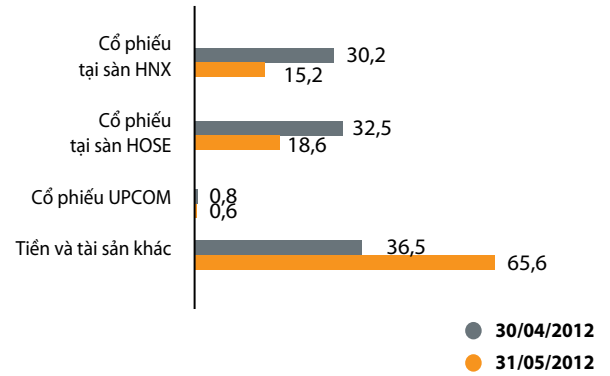


## Danh mục đầu tư (%)



Trong tháng 5/2012, chiến lược MATF thực hiện các tín hiệu bán trên các cổ phiếu sàn HOSE và sàn HNX nên tỷ trọng của chiến lược này giảm từ 55,8% NAV xuống còn 27,6% NAV. Tỷ trọng của chiến lược đầu tư dựa trên biến động của cổ phiếu tiềm năng giảm nhẹ từ 7,8% lên 6,8% chủ yếu đến từ sự thay đổi về giá.

## Phân bổ tài sản (%)



Trong tháng 5/2012, chiến lược MATF có mức thanh toán trên 2 sàn HOSE và HNX tương đương nhau nên tỷ trọng cổ phiếu trên 2 sàn đều giảm. Tỷ lệ tiền mặt vì thế cũng tăng từ 36,5% lên 65,5% NAV.



## VIETFUND MANAGEMENT

### KHUYẾN CÁO

*Báo cáo này được viết và phát hành bởi công ty Vietfund Management (VFM). Các thông tin trong báo cáo được công ty VFM xem là đáng tin cậy và dựa trên các nguồn thông tin đã công bố ra công chúng. Tuy nhiên, công ty VFM không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin trong bản báo cáo này. Quan điểm, dự báo và các ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của công ty VFM và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Công ty VFM không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các vấn đề thuộc các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác.*